

MỤC LỤC

| | Trang |
|--|---------|
| 1. Mục lục | 1 |
| 2. Báo cáo của Tổng Giám đốc | 2 - 5 |
| 3. Báo cáo kiểm toán | 6 |
| 4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 | 7 - 10 |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 | 11 |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 | 12 - 13 |
| 7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 | 14 - 38 |
| 8. Phụ lục | 39 |

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu Thiên Nam trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu Thiên Nam (công ty mẹ) và Báo cáo tài chính của Công ty TNHH công nghệ phẩm Thiên Nam (công ty con) (gọi chung là Tập đoàn).

Khái quát về Tập đoàn

Công ty mẹ

Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu Thiên Nam là Doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp nhà nước - Công ty thương mại dịch vụ xuất nhập khẩu quận 10 theo Quyết định số 58/2000/QĐ-TTg ngày 24 tháng 5 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301172041, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 11 năm 2000 và đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 01 tháng 06 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 80.000.000.000 VND

Công ty đã được Ủy ban chứng khoán nhà nước cấp Giấy phép niêm yết cổ phiếu trên Trung tâm giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (nay là Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh) số 36/UBCK-GPNY ngày 4 tháng 5 năm 2005 với mã cổ phiếu là TNA.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : số 111 – 121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (84-8) 3 8 348 984
Fax : (84-8) 3 9 273 347
Mã số thuế : 0 3 0 1 1 7 2 0 4 1

Các đơn vị trực thuộc:

| <u>Tên đơn vị</u> | <u>Địa chỉ</u> |
|---|---|
| Trung tâm kinh doanh sắt thép Bình Chánh | C12/12E Ấp 3, Quốc lộ 1A Xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh |
| Chi nhánh Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu Thiên Nam – Trung tâm kinh doanh sắt thép | 56A quốc lộ 1A, ấp 2, xã Mỹ Yên, huyện Bến Lức, tỉnh Long An |

Hoạt động chính của Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu Thiên Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là:

- Xuất nhập khẩu trực tiếp các mặt hàng nông, thủy hải sản, lương thực, thực phẩm, điện tử, xe gắn máy, nguyên nhiên vật liệu, vật tư, máy móc thiết bị, phân bón, phương tiện vận tải, vật liệu xây dựng và trang trí nội thất, mỹ phẩm;
- Dịch vụ nhận ủy thác xuất nhập khẩu các mặt hàng Nhà nước cho phép;
- Tổ chức các hoạt động dịch vụ du lịch, khách sạn, nhà hàng (không kinh doanh tại trụ sở), kinh doanh vàng, bạc, salon auto;
- Mua bán, đại lý, ký gởi các mặt hàng công nghệ phẩm, lương thực, thực phẩm, vật tư thiết bị, phương tiện vận tải, rượu, nông sản, thủy hải sản, kim khí điện máy, vật liệu xây dựng, trang trí nội thất, phân bón, thuốc trừ sâu, vật tư, máy móc thiết bị, mỹ phẩm;
- Mua bán hàng điện gia dụng, hạt nhựa, vật tư ngành ảnh, văn phòng phẩm, đồ điện gia dụng, giày da, túi xách, đồng hồ, mắt kính, cơ điện lạnh, máy giặt, xe gắn máy và phụ tùng, xe đạp, quần áo, bia nước giải khát (trừ kinh doanh dịch vụ ăn uống);



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Đại lý ký gửi hàng hóa. Thu mua và chế biến hàng nông, thủy, hải sản xuất khẩu (không hoạt động tại trụ sở);
- Cho thuê xe du lịch;
- Mua bán sắt thép, kim loại phế liệu và dịch vụ phá dỡ tàu thuyền, ô tô cũ (không hoạt động tại trụ sở);
- Mua bán xe ô tô;
- Mua bán gỗ rừng trồng, gỗ nhập khẩu;
- Dịch vụ khai thuê hải quan;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa;
- Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô;
- Kinh doanh lữ hành nội địa;
- Kinh doanh bất động sản.

Công ty con

| Tên công ty | Địa chỉ trụ sở chính | Giấy phép thành lập | Tỷ lệ sở hữu |
|---------------------------------------|--|---|--------------|
| Công ty TNHH công nghệ phẩm Thiên Nam | 451 – 453 Nguyễn Tri Phương, phường 08, quận 10, TP. Hồ Chí Minh | Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0306489067 lần đầu ngày 30 tháng 12 năm 2008, thay đổi lần thứ 01 ngày 15 tháng 3 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp | 80% |

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tập đoàn được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 39).

Trong năm, Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu Thiên Nam đã phân phối lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh chính năm 2011 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông như sau:

| | |
|--|----------------------------------|
| - Trích quỹ đầu tư phát triển (10% lợi nhuận sau thuế) | 6.296.329.332 VND |
| - Trích quỹ dự phòng tài chính (05% lợi nhuận sau thuế) | 1.808.401.927 VND |
| - Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (12% lợi nhuận sau thuế) | 4.340.164.625 VND |
| - Trích quỹ hoạt động Hội đồng quản trị (03% lợi nhuận sau thuế) | 1.085.041.156 VND |
| - Trích khoản cổ đông tham gia công tác xã hội | 296.160.000 VND |
| - Chia cổ tức bổ sung (10% mệnh giá) | 7.999.749.000 VND |
| Cộng | <u>21.825.846.040 VND</u> |

Ngoài ra, Công ty đã tạm chia cổ tức năm 2012 theo Nghị quyết số 10/2012/NQ-HĐQT ngày 03 tháng 8 năm 2012 của Hội đồng quản trị là 10% giá trị cổ phiếu, tương ứng số tiền 7.999.749.000 VND.

Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính.

Tổng Giám đốc Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu Thiên Nam khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2012 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu Thiên Nam trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
|------------------------|--------------|----------------------|-----------------|
| Bà Nguyễn Thị Hiệp | Chủ tịch | 28 tháng 10 năm 2002 | - |
| Ông Nguyễn Quang Hòa | Phó chủ tịch | 27 tháng 3 năm 2008 | - |
| Ông Hồ Thái Hà | Thành viên | 31 tháng 3 năm 2007 | - |
| Ông Ngô Hữu Hoàn | Thành viên | 31 tháng 3 năm 2007 | - |
| Ông Nguyễn Hoàng Giang | Thành viên | 01 tháng 4 năm 2006 | - |

Ban kiểm soát

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
|----------------------|------------|---------------------|-----------------|
| Ông Vương Quang Diệu | Trưởng ban | 26 tháng 3 năm 2008 | - |
| Ông Nguyễn Ngọc Tuấn | Thành viên | 26 tháng 3 năm 2008 | - |
| Bà Trần Thị Thu Liễu | Thành viên | 09 tháng 4 năm 2005 | - |

Tổng Giám đốc

| Họ và tên | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
|------------------|---------------------|-----------------|
| Ông Ngô Hữu Hoàn | 18 tháng 4 năm 2007 | - |

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu Thiên Nam. A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Xác nhận của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu Thiên Nam chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu Thiên Nam phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu Thiên Nam đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn và Báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Tổng Giám đốc Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu Thiên Nam cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.



Ngô Hữu Hoàn
Tổng Giám đốc

Ngày 09 tháng 03 năm 2013





**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist. 1, Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0128/2013/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2012 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012 của Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu Thiên Nam bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu Thiên Nam (công ty mẹ) và Công ty TNHH công nghệ phẩm Thiên Nam (công ty con) (gọi chung là Tập đoàn) gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 26 tháng 02 năm 2013, từ trang 07 đến trang 39 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu Thiên Nam. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu Thiên Nam cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.



Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Phùng Thị Quang Thái - Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0094/KTV

Đỗ Thị Mai Loan - Kiểm toán viên

Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0090/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 03 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngõ Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 580.966.228.693 | 605.724.040.689 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 33.261.073.317 | 47.428.788.055 |
| 1. Tiền | 111 | | 19.124.560.217 | 47.428.788.055 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 14.136.513.100 | - |
| II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 4.900.000.000 | 46.600.000.000 |
| 1. Đầu tư ngắn hạn | 121 | V.2 | 4.900.000.000 | 46.600.000.000 |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn | 129 | | - | - |
| III. Các khoản phải thu | 130 | | 174.791.553.351 | 182.381.201.380 |
| 1. Phải thu của khách hàng | 131 | V.3 | 137.353.571.597 | 147.648.793.268 |
| 2. Trả trước cho người bán | 132 | V.4 | 36.785.377.772 | 34.036.989.890 |
| 3. Phải thu nội bộ | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Các khoản phải thu khác | 138 | V.5 | 652.603.982 | 695.418.222 |
| 6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi | 139 | | - | - |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 365.172.516.271 | 312.751.013.345 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.6 | 365.172.516.271 | 314.188.014.090 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | (1.437.000.745) |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 2.841.085.754 | 16.563.037.909 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | 280.772.156 | 124.332.880 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 986.407.848 | 14.781.017.665 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 154 | V.18 | - | 66.988.364 |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 157 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 158 | V.7 | 1.573.905.750 | 1.590.699.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngõ Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 77.321.795.501 | 74.174.448.534 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | - |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Phải thu nội bộ dài hạn | 212 | | - | - |
| 3. Phải thu dài hạn khác | 213 | | - | - |
| 4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | V.8 | 47.350.623.367 | 48.344.708.413 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | | 20.913.574.630 | 16.423.245.369 |
| <i>Nguyên giá</i> | 222 | | 27.831.773.423 | 20.836.154.966 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 223 | | (6.918.198.793) | (4.412.909.597) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 225 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 226 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.9 | 25.486.147.500 | 25.255.147.500 |
| <i>Nguyên giá</i> | 228 | | 25.486.147.500 | 25.255.147.500 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 229 | | - | - |
| 4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 230 | V.10 | 950.901.237 | 6.666.315.544 |
| III. Bất động sản đầu tư | 240 | V.11 | 22.704.565.116 | 23.768.744.664 |
| <i>Nguyên giá</i> | 241 | | 27.119.789.935 | 27.119.789.935 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 242 | | (4.415.224.819) | (3.351.045.271) |
| IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 6.488.450.000 | 1.500.000.000 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| 2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh | 252 | | - | - |
| 3. Đầu tư dài hạn khác | 258 | V.12 | 6.488.450.000 | 1.500.000.000 |
| 4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn | 259 | | - | - |
| V. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 778.157.018 | 560.995.457 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.13 | 602.749.107 | 442.081.443 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | V.14 | 150.407.911 | 38.914.014 |
| 3. Tài sản dài hạn khác | 268 | | 25.000.000 | 80.000.000 |
| VI. Lợi thế thương mại | 269 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 658.288.024.194 | 679.898.489.223 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | | |
| A - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 409.324.539.665 | 446.713.041.315 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 403.984.219.665 | 442.034.355.163 |
| 1. Vay và nợ ngắn hạn | 311 | V.15 | 209.784.678.514 | 279.335.801.289 |
| 2. Phải trả cho người bán | 312 | V.16 | 130.418.004.768 | 94.524.197.980 |
| 3. Người mua trả tiền trước | 313 | V.17 | 49.305.759.330 | 26.495.430.254 |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước | 314 | V.18 | 5.041.897.212 | 8.417.232.778 |
| 5. Phải trả người lao động | 315 | V.19 | 3.580.614.103 | 4.899.756.914 |
| 6. Chi phí phải trả | 316 | V.20 | 1.647.561.131 | 1.915.401.329 |
| 7. Phải trả nội bộ | 317 | | - | - |
| 8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 318 | | - | - |
| 9. Các khoản phải trả, phải nộp khác | 319 | V.21 | 518.455.111 | 23.329.366.800 |
| 10. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 320 | | - | - |
| 11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 323 | V.22 | 3.687.249.496 | 3.117.167.819 |
| 12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 327 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 320 | | 5.340.320.000 | 4.678.686.152 |
| 1. Phải trả dài hạn người bán | 321 | | - | - |
| 2. Phải trả dài hạn nội bộ | 322 | | - | - |
| 3. Phải trả dài hạn khác | 323 | V.23 | 5.340.320.000 | 4.561.593.200 |
| 4. Vay và nợ dài hạn | 324 | | - | - |
| 5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 325 | | - | - |
| 6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm | 336 | IV.17 | - | 82.063.570 |
| 7. Dự phòng phải trả dài hạn | 337 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện | 338 | | - | 35.029.382 |
| 9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 339 | | - | - |
| B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 247.539.816.769 | 232.550.220.996 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | | 247.539.816.769 | 232.550.220.996 |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | V.24 | 80.000.000.000 | 80.000.000.000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | V.24 | 55.186.113.637 | 55.186.113.637 |
| 3. Vốn khác của chủ sở hữu | 413 | | - | - |
| 4. Cổ phiếu quỹ | 414 | V.24 | (2.483.300) | (2.483.300) |
| 5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 415 | | - | - |
| 6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 416 | V.24 | - | (35.344.299) |
| 7. Quỹ đầu tư phát triển | 417 | V.24 | 57.930.319.330 | 52.561.506.161 |
| 8. Quỹ dự phòng tài chính | 418 | V.24 | 9.476.049.576 | 7.228.842.131 |
| 9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 419 | | - | - |
| 10. Lợi nhuận chưa phân phối | 420 | V.24 | 44.949.817.525 | 37.611.586.666 |
| 11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 421 | | - | - |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432 | | - | - |
| C - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ | 439 | V.25 | 1.423.667.761 | 635.226.912 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 658.288.024.194 | 679.898.489.223 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

| CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Số cuối năm | |
|--|-------------|-------------|-------------|
| | | Số cuối năm | Số đầu năm |
| 1. Tài sản thuê ngoài | | - | - |
| 2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công | | - | - |
| 3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi | | - | - |
| 4. Nợ khó đòi đã xử lý | | 398.345.560 | 398.345.560 |
| 5. Ngoại tệ các loại: Dollar Mỹ (USD) | | 106.475,67 | 136.815,05 |
| 6. Dự toán chi phí hoạt động | | - | - |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 02 năm 2013



Vũ Thị Thúy Nga
Người lập biểu



Hà Hạnh Hoa
Kế toán trưởng



Ngô Hữu Hoàn
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT


Năm 2012

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số tiền | |
|---|-------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VL.1 | 1.203.313.249.267 | 1.064.191.343.970 |
| 2. Các khoản giảm trừ | 03 | VL.1 | 934.770.890 | 258.099.491 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | VL.1 | 1.202.378.478.377 | 1.063.933.244.479 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VL.2 | 1.102.407.759.540 | 956.905.916.243 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 99.970.718.837 | 107.027.328.236 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VL.3 | 27.446.031.957 | 18.521.677.310 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VL.4 | 39.616.700.402 | 40.204.434.730 |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | 39.181.138.711 | 38.976.938.368 |
| 8. Chi phí bán hàng | 24 | VL.5 | 19.829.279.522 | 16.709.732.593 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | VL.6 | 17.651.858.732 | 18.784.766.759 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 50.318.912.138 | 49.850.071.464 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | VL.7 | 391.933.725 | 30.674.059.276 |
| 12. Chi phí khác | 32 | VL.8 | 100.575.642 | 30.255.513.272 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | 291.358.083 | 418.546.004 |
| 14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh | 45 | | - | - |
| 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 50.610.270.221 | 50.268.617.468 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | V.18 | 11.966.949.003 | 9.698.787.246 |
| 17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | V.14 | (111.493.898) | 3.940.076 |
| 18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | <u>38.754.815.116</u> | <u>40.565.890.146</u> |
| 18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số | 61 | | 588.535.975 | 440.735.824 |
| 18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ | 62 | | 38.166.279.141 | 40.125.154.322 |
| 19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VL.9 | <u>4.771</u> | <u>5.016</u> |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 02 năm 2013


Vũ Thị Thúy Nga
Người lập biểu


Hà Hạnh Hoa
Kế toán trưởng


Ngô Hữu Hoàn
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngõ Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|---|-----------|----------------|-----------------------|-------------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 50.610.270.221 | 50.268.617.468 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định | 02 | V.8, V.11 | 3.593.905.544 | 2.691.217.882 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | | (1.437.000.745) | 1.437.000.745 |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện | 04 | VI.4 | 112.400.424 | 60.292.800 |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | VI.3 | (16.419.075.175) | (1.822.875.814) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | VI.4 | 39.181.138.711 | 38.976.938.368 |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 75.641.638.980 | 91.611.191.449 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | 18.997.478.594 | 19.980.601.159 |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | (50.984.502.181) | (26.436.633.371) |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | | 51.760.040.586 | 31.514.872.284 |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | (317.106.940) | 430.938.460 |
| - Tiền lãi vay đã trả | 13 | V.20; VI.4 | (39.532.529.557) | (38.238.842.583) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 14 | V.18 | (16.283.564.010) | (17.889.775.503) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 15 | | 30.000.000 | 163.698.382.725 |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 16 | | (4.227.165.822) | (167.910.761.271) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 35.084.289.650 | 56.759.973.349 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | V.8; V.9, V.10 | (1.734.095.496) | (35.533.863.626) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | | - | 51.700.000 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | - | - |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | - | - |
| 5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác | 25 | V.12 | (17.000.000.000) | (53.600.000.000) |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác | 26 | V.2; VII | 38.700.000.000 | 10.000.000.000 |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | V.5, VI.3 | 16.304.168.712 | 1.823.733.564 |
| Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | 30 | | 36.270.073.216 | (77.258.430.062) |

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số tiền (đồng) | |
|--|-----------|-------------|-------------------------|-----------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu | 31 | | - | - |
| 2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | - |
| 3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | 33 | V.15 | 896.815.784.996 | 803.340.122.283 |
| 4. Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | V.15 | (966.366.907.771) | (762.190.414.724) |
| 5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính | 35 | | - | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | V.24 | (15.991.488.000) | (19.999.372.500) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | (85.542.610.775) | 21.150.335.059 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | | (14.188.247.909) | 651.878.346 |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | V.1 | 47.428.788.055 | 46.795.608.009 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | 20.533.171 | (18.698.300) |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | V.1 | 33.261.073.317 | 47.428.788.055 |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 02 năm 2013

Vũ Thị Thúy Nga
Người lập biểuHà Hạnh Hoa
Kế toán trưởngNgô Hữu Hoàn
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Năm 2012

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu Thiên Nam bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu Thiên Nam (công ty mẹ) và Báo cáo tài chính của Công ty TNHH công nghệ phẩm Thiên Nam (công ty con) (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

- Hình thức sở hữu vốn của công ty mẹ** : Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ, thương mại, kinh doanh bất động sản.
- Ngành nghề kinh doanh** : Mua bán, đại lý, ký gởi các mặt hàng công nghệ phẩm, lương thực, thực phẩm, vật tư thiết bị, phương tiện vận tải, rượu, nông sản, thủy hải sản, kim khí điện máy, vật liệu xây dựng, trang trí nội thất, phân bón, thuốc trừ sâu, vật tư, máy móc thiết bị, mỹ phẩm; Đại lý ký gửi hàng hóa. Thu mua và chế biến hàng nông, thủy, hải sản xuất khẩu (không hoạt động tại trụ sở); Cho thuê xe du lịch; Mua bán sắt thép, kim loại phế liệu và dịch vụ phá dỡ tàu thuyền, ô tô cũ (không hoạt động tại trụ sở); Mua bán xe ô tô; Dịch vụ khai thuê hải quan; Dịch vụ giao nhận hàng hóa; Kinh doanh bất động sản.

- Tổng số các công ty con** : 01
Trong đó:
Số lượng các công ty con được hợp nhất: 01

5. Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

| <u>Tên công ty</u> | <u>Địa chỉ trụ sở chính</u> | <u>Tỷ lệ lợi ích</u> | <u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u> |
|---------------------------------------|---|----------------------|-------------------------------|
| Công ty TNHH công nghệ phẩm Thiên Nam | 451 - 453 Nguyễn Tri Phương, phường 8, quận 10, TP. Hồ Chí Minh | 80% | 80% |

- Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 Tập đoàn có 91 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (cuối năm trước là 87 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất**
Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Giám đốc Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu Thiên Nam đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Các Công ty trong Tập đoàn sử dụng hình thức nhật ký chứng từ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Áp dụng qui định kế toán mới

Ngày 24 tháng 10 năm 2012 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC qui định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái áp dụng từ năm tài chính 2012 và thay thế Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009. Qui định của Thông tư số 179/2012/TT-BTC thay đổi so với Thông tư số 201/2009/TT-BTC Công ty đang áp dụng về tỷ giá qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ và tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm cũng như xử lý chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thông tư số 179/2012/TT-BTC qui định tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh, tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố thay vì sử dụng tỷ giá bình quân liên ngân hàng như hướng dẫn tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Theo Thông tư 201/2009/TT-BTC, chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xử lý như sau:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối năm của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản nợ phải thu, phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chi tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) và được ghi bút toán ngược lại để xóa số dư vào đầu năm sau.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm. Nếu việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái của các khoản nợ phải trả dài hạn làm cho kết quả kinh doanh của Công ty bị lỗ thì một phần chênh lệch tỷ giá được phân bổ cho năm sau để Công ty không bị lỗ nhưng khoản lỗ chênh lệch tỷ giá ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được phân bổ vào chi phí cho các năm sau với thời gian tối đa không quá 5 năm.

Thông tư số 179/2012/TT-BTC quy định chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm. Tuy nhiên, Thông tư số 179/2012/TT-BTC cho phép khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải thu, phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ của các năm trước chưa phân bổ hết được tiếp tục phân bổ theo số năm còn lại.

3. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu Thiên Nam (công ty mẹ) và Công ty TNHH công nghệ phẩm Thiên Nam (công ty con). Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

4. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

5. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

7. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 10 – 50 |
| Máy móc và thiết bị | 05 – 12 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 – 10 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 02 – 05 |
| Tài sản cố định hữu hình khác | 02 – 05 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Tài sản thuê hoạt động

Tập đoàn là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

10. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tập đoàn hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|-----------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 25 – 50 |

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính dự kiến sử dụng trong năm 2013 nên chưa được khấu hao.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

13. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

14. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

15. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm: chi phí sửa chữa, giấy phép bản quyền phần mềm,... được phân bổ trong thời gian từ 02 – 05 năm.

16. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

17. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Tập đoàn phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại các Công ty trong Tập đoàn từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương bình quân làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 01 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 các Công ty trong Tập đoàn phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp các Công ty trong Tập đoàn không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc chi trả trong năm được ghi giảm số dư đã trích lập trong các năm trước. Nếu số dư đã trích lập trong các năm trước không đủ để chi trợ cấp thôi việc cho người lao động thì toàn bộ phần chi còn thiếu được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm. Nếu số dư đã trích lập trong các năm trước sau khi chi trợ cấp thôi việc trong năm vẫn còn số dư thì phần chưa chi được ghi nhận vào thu nhập khác trong năm.



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu Thiên Nam phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chi tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

19. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

20. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu Thiên Nam, cụ thể như sau:

| | Mục đích | Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế |
|-----------------------------|--|---------------------------------------|
| • Quỹ đầu tư phát triển | Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty | 10% |
| • Quỹ dự phòng tài chính | Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,.... | 05% |
| • Quỹ khen thưởng, phúc lợi | Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động | 12% |

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

22. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi các Công ty trong Tập đoàn có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi các Công ty trong Tập đoàn mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2011 : 20.828 VND/USD
31/12/2012 : 20.812 VND/USD

23. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được trình bày ở thuyết minh số IV.9.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi các Công ty trong Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

24. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm các nhóm: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

25. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

26. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

27. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

28. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Tiền mặt | 1.043.387.954 | 92.401.139 |
| Tiền gửi ngân hàng | 18.081.172.263 | 47.336.386.916 |
| Các khoản tương đương tiền (*) | 14.136.513.100 | - |
| Cộng | 33.261.073.317 | 47.428.788.055 |

(*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**2. Đầu tư ngắn hạn**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-----------------------------|------------------------------|
| Công ty cổ phần đầu tư kinh doanh địa ốc Hưng Thịnh | - | 30.000.000.000 |
| Công ty TNHH dịch vụ kinh doanh nhà và du lịch Gia Phúc Thịnh ⁽¹⁾ | 4.900.000.000 | 6.600.000.000 |
| Công ty TNHH đầu tư - xây dựng - thương mại Băng Dương | - | 10.000.000.000 |
| Cộng | <u>4.900.000.000</u> | <u>46.600.000.000</u> |

⁽¹⁾ Khoản góp vốn hợp tác đầu tư dự án Khu biệt thự du lịch Bắc Sơn tại TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.**3. Phải thu khách hàng**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| Công ty TNHH sản xuất thương mại thép Nguyễn Minh | 77.750.602.495 | 88.760.243.922 |
| Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Nguyễn Minh | - | 7.344.300.081 |
| Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh 10 | 8.807.300.000 | 8.807.300.000 |
| Công ty cổ phần kinh doanh nhà Nam Hưng Thịnh | - | 30.200.000.000 |
| Công ty TNHH một thành viên thương mại Nguyễn Minh Đạt | 8.673.076.637 | - |
| Công ty cổ phần Tập đoàn thép Nguyễn Minh | 29.161.451.215 | - |
| Các khách hàng khác | 12.961.141.250 | 12.536.949.265 |
| Cộng | <u>137.353.571.597</u> | <u>147.648.793.268</u> |

4. Trả trước cho người bán

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-----------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Các nhà cung cấp trong nước | 34.984.240.273 | 33.411.483.394 |
| Các nhà cung cấp nước ngoài | 1.801.137.499 | 625.506.496 |
| Cộng | <u>36.785.377.772</u> | <u>34.036.989.890</u> |

5. Các khoản phải thu khác

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|---------------------------|---------------------------|
| Khoản chi công tác xã hội phải thu lại | 299.926.000 | 296.160.000 |
| Khoản lãi góp vốn phải thu | 114.906.463 | - |
| Các khoản phải thu khác | 237.771.519 | 399.258.222 |
| Cộng | <u>652.603.982</u> | <u>695.418.222</u> |

6. Hàng tồn kho

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 160.237.054 | - |
| Hàng hóa | 365.012.279.217 | 314.188.014.090 |
| Cộng | <u>365.172.516.271</u> | <u>314.188.014.090</u> |

7. Tài sản ngắn hạn khác

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| Tạm ứng | 53.698.000 | 119.611.000 |
| Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 1.520.207.750 | 1.471.088.000 |
| Cộng | <u>1.573.905.750</u> | <u>1.590.699.000</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Tài sản cố định hữu hình khác | Cộng |
|---------------------------------------|------------------------|----------------------|---------------------------------|---------------------------|-------------------------------|-----------------------|
| Nguyên giá | | | | | | |
| Số đầu năm | 8.187.250.349 | 8.158.563.819 | 4.004.125.882 | 238.387.681 | 247.827.235 | 20.836.154.966 |
| Mua sắm mới | - | 189.090.909 | - | 42.972.728 | 11.650.000 | 243.713.637 |
| Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành | 5.931.874.402 | 844.467.218 | - | - | - | 6.776.341.620 |
| Giảm khác | - | - | (24.436.800) | - | - | (24.436.800) |
| Số cuối năm | 14.119.124.751 | 9.192.121.946 | 3.979.689.082 | 281.360.409 | 259.477.235 | 27.831.773.423 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 485.578.240 | 274.422.792 | - | 108.288.124 | 196.243.803 | 1.064.532.959 |
| Giá trị hao mòn | | | | | | |
| Số đầu năm | 1.490.109.772 | 1.442.321.258 | 1.101.727.657 | 160.434.168 | 218.316.742 | 4.412.909.597 |
| Khấu hao trong năm | 896.136.611 | 1.124.284.354 | 448.747.872 | 44.458.880 | 16.098.279 | 2.529.725.996 |
| Giảm khác | - | - | (24.436.800) | - | - | (24.436.800) |
| Số cuối năm | 2.386.246.383 | 2.566.605.612 | 1.526.038.729 | 204.893.048 | 234.415.021 | 6.918.198.793 |
| Giá trị còn lại | | | | | | |
| Số đầu năm | 6.697.140.577 | 6.716.242.561 | 2.902.398.225 | 77.953.513 | 29.510.493 | 16.423.245.369 |
| Số cuối năm | 11.732.878.368 | 6.625.516.334 | 2.453.650.353 | 76.467.361 | 25.062.214 | 20.913.574.630 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | | |
| Tạm thời chưa sử dụng | - | - | - | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - | - | - | - |

9. Tài sản cố định vô hình

| | Quyền sử dụng đất | Phần mềm máy tính | Cộng |
|--------------------|-----------------------|--------------------|-----------------------|
| Số đầu năm | 25.255.147.500 | - | 25.255.147.500 |
| Tăng trong năm (*) | - | 231.000.000 | 231.000.000 |
| Số cuối năm | 25.255.147.500 | 231.000.000 | 25.486.147.500 |

(*) Phần mềm máy tính dự kiến triển khai sử dụng trong năm 2013.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | Số đầu năm | Chi phí phát sinh trong năm | Kết chuyển vào TSCĐ trong năm | Kết chuyển giảm khác | Số cuối năm |
|---|----------------------|-----------------------------|-------------------------------|----------------------|--------------------|
| Mua sắm TSCĐ | 198.454.546 | 182.994.717 | - | (381.449.263) | - |
| XDCB dở dang | 6.467.860.998 | 1.259.381.859 | (6.776.341.620) | - | 950.901.237 |
| - Công trình 277B Cách Mạng Tháng Tám, quận 10, TP. Hồ Chí Minh | 950.901.237 | - | - | - | 950.901.237 |
| - Công trình Trung tâm kinh doanh sắt thép Long An | 5.516.959.761 | 1.259.381.859 | (6.776.341.620) | - | - |
| Cộng | 6.666.315.544 | 1.442.376.576 | (6.776.341.620) | (381.449.263) | 950.901.237 |



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

| | Nguyên giá | Giá trị hao mòn | Giá trị còn lại |
|--------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|
| Số đầu năm | 27.119.789.935 | 3.351.045.271 | 23.768.744.664 |
| Tăng trong năm | - | 1.064.179.548 | |
| Số cuối năm | 27.119.789.935 | 4.415.224.819 | 22.704.565.116 |

Tại thời điểm cuối năm, Tập đoàn chưa có điều kiện để xác định giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư trên.

12. Đầu tư dài hạn khác

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|----------------------|----------------------|
| Công ty TNHH bệnh viện mắt Việt Hàn ⁽ⁱ⁾ | 1.500.000.000 | 1.500.000.000 |
| Công ty cổ phần đầu tư kinh doanh địa ốc Hưng Thịnh ⁽ⁱⁱ⁾ | 4.988.450.000 | - |
| Cộng | 6.488.450.000 | 1.500.000.000 |

(i) Khoản góp vốn vào Công ty TNHH bệnh viện mắt Việt Hàn theo Hợp đồng góp vốn kinh doanh số 114/TN-HN/HĐGV ngày 01 tháng 8 năm 2008.

(ii) Khoản góp vốn vào Công ty cổ phần đầu tư kinh doanh địa ốc Hưng Thịnh thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng cơ sở, xây dựng nhà ở dự án Khu đô thị mới Hưng Thịnh, thuộc khu du lịch Bắc bán đảo Cam Ranh – tỉnh Khánh Hòa. Thời gian thực hiện dự án là 02 năm kể từ ngày ký Hợp đồng.

13. Chi phí trả trước dài hạn

| | Số đầu năm | Chi phí phát sinh trong năm | Phân bổ vào chi phí trong năm | Số cuối năm |
|--------------------------------|--------------------|-----------------------------|-------------------------------|--------------------|
| Công cụ, dụng cụ | 104.027.040 | 36.000.000 | (95.426.772) | 44.600.268 |
| Chi phí sửa chữa | - | 315.956.551 | (43.195.884) | 272.760.667 |
| Chi phí trả trước dài hạn khác | 338.054.403 | 160.000.000 | (212.666.231) | 285.388.172 |
| Cộng | 442.081.443 | 511.956.551 | (351.288.887) | 602.749.107 |

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

| | Số đầu năm | Phát sinh trong năm | Hoàn nhập trong năm | Số cuối năm |
|---|-------------------|---------------------|---------------------|--------------------|
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ | - | 114.393.523 | - | 114.393.523 |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện | 38.914.014 | 36.014.388 | (38.914.014) | 36.014.388 |
| Cộng | 38.914.014 | 150.407.911 | (38.914.014) | 150.407.911 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**15. Vay và nợ ngắn hạn**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| Vay ngắn hạn ngân hàng | 209.784.678.514 | 276.485.801.289 |
| - Ngân hàng thương mại cổ phần An Bình ⁽ⁱ⁾ | 26.906.664.000 | 9.333.332.000 |
| - Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh 10, TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱ⁾ | 45.750.601.099 | 59.981.170.998 |
| - Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam ⁽ⁱⁱ⁾ | 18.892.700.300 | 34.700.000.000 |
| - Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Lý Thường Kiệt ⁽ⁱⁱ⁾ | 42.903.761.228 | 39.982.129.969 |
| - Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) ⁽ⁱⁱ⁾ | 48.736.987.443 | 34.461.062.794 |
| - Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Lộc ⁽ⁱⁱ⁾ | 26.100.534.630 | 98.028.105.528 |
| - Ngân hàng Indovina - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱ⁾ | 493.429.814 | - |
| Vay ngắn hạn cá nhân khác | - | 2.850.000.000 |
| Cộng | <u>209.784.678.514</u> | <u>279.335.801.289</u> |

(i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần An Bình để mua quyền sử dụng đất và bổ sung vốn lưu động. Khoản vay mua quyền sử dụng đất được đảm bảo bằng việc thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

(ii) Khoản vay tại các Ngân hàng để bổ sung vốn lưu động.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn:

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u> | <u>Số tiền vay đã trả trong năm</u> | <u>Số cuối năm</u> |
|--|-------------------------------|--|-------------------------------------|-------------------------------|
| Vay ngắn hạn ngân hàng | 276.485.801.289 | 896.815.784.996 | (963.516.907.771) | 209.784.678.514 |
| Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác | 2.850.000.000 | - | (2.850.000.000) | - |
| Cộng | <u>279.335.801.289</u> | <u>896.815.784.996</u> | <u>(966.366.907.771)</u> | <u>209.784.678.514</u> |

16. Phải trả cho người bán

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-------------------------------|------------------------------|
| Tổng Công ty thương mại Sài Gòn | 61.680.078.629 | 91.870.304.625 |
| Công ty TNHH một thành viên thương mại Nguyễn Minh | - | 1.000.000.120 |
| Rich Fortune INT IND LTD | 34.032.004.187 | - |
| Cargill Int. Trading | 31.630.458.892 | - |
| Nhà cung cấp khác | 3.075.463.060 | 1.653.893.235 |
| Cộng | <u>130.418.004.768</u> | <u>94.524.197.980</u> |

17. Người mua trả tiền trước

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|------------------------------|------------------------------|
| Trả trước liên quan đến kinh doanh bất động sản | 27.881.492.400 | 25.382.826.200 |
| Trả trước về mua hàng hoá, dịch vụ | 21.424.266.930 | 1.112.604.054 |
| Cộng | <u>49.305.759.330</u> | <u>26.495.430.254</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

| | Số đầu năm | Số phải nộp trong năm | Số đã nộp trong năm | Số cuối năm |
|--|----------------------|------------------------------|----------------------------|----------------------|
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | 121.315.066 | 5.091.095.676 | (5.123.040.431) | 89.370.311 |
| Thuế GTGT hàng nhập khẩu | - | 40.291.806.349 | (40.291.806.349) | - |
| Thuế tiêu thụ đặc biệt | - | 160.115.703 | (160.115.703) | - |
| Thuế xuất, nhập khẩu (*) | (66.988.364) | 5.214.663.783 | (5.147.675.419) | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp (**) | 8.171.272.511 | 13.029.188.445 | (16.283.564.010) | 4.916.896.946 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 124.645.201 | 2.248.030.008 | (2.337.045.254) | 35.629.955 |
| Tiền thuê đất | - | 1.810.345.877 | (1.810.345.877) | - |
| Các loại thuế khác | - | 7.500.000 | (7.500.000) | - |
| Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | - | 121.726.000 | (121.726.000) | - |
| Cộng | 8.350.244.414 | 67.974.471.841 | (71.282.819.043) | 5.041.897.212 |

(*) Thuế xuất nhập khẩu nộp thừa được trình bày ở chi tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước.

(**) Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm bao gồm:

| | |
|---|-----------------------|
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm | 11.966.949.003 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp từ việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất các năm trước | 1.062.239.442 |
| Cộng | 13.029.188.445 |

Thuế giá trị gia tăng

Các Công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Các Công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế tiêu thụ đặc biệt

Các Công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế tiêu thụ đặc biệt cho hoạt động kinh doanh rượu với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các Công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Các Công ty trong Tập đoàn được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2012 theo Thông tư số 140/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 8 năm 2012 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Nghị định số 60/2012/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 29/2012/QH13 của Quốc hội về việc ban hành một số chính sách thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho tổ chức có số lao động đáp ứng điều kiện là doanh nghiệp nhỏ và vừa quy định tại Khoản 1 Điều 3 Nghị định 56/2009/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|-----------------------|------------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50.610.270.221 | 50.268.617.468 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | | |
| - Lợi nhuận chịu thuế nội bộ chưa thực hiện | (11.598.500) | (15.760.307) |
| - Các khoản điều chỉnh tăng khác | 844.931.395 | 368.467.681 |
| - Các khoản điều chỉnh giảm khác | (247.689.962) | (285.000.000) |
| Thu nhập tính thuế | 51.195.913.154 | 50.336.324.842 |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 25% | 25% |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp | 12.798.978.289 | 12.584.081.211 |
| Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước | | (2.897.329.558) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm 30 % | (832.029.285) | 12.035.593 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp | 11.966.949.003 | 9.698.787.246 |

Tiền thuê đất

Các Công ty trong Tập đoàn phải nộp tiền thuê đất theo thông báo của Cục thuế.

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được kê khai và nộp theo qui định.

19. Phải trả người lao động

Tổng quỹ lương Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu Thiên Nam được xác định bằng tỷ suất tiền lương / lợi nhuận trước thuế chưa tính chi phí lương là 20% theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Quỹ lương của Công ty TNHH Công nghệ phẩm Thiên Nam được xác định bằng tỉ suất tiền lương trên lợi nhuận trước thuế chưa tính chi phí lương là 47% theo nghị quyết của Hội đồng thành viên.

20. Chi phí phải trả

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-----------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí lãi vay | 457.574.090 | 808.964.936 |
| Chi phí xây dựng | 618.181.818 | 650.097.363 |
| Chi phí phải trả khác | 571.805.223 | 456.339.030 |
| Cộng | 1.647.561.131 | 1.915.401.329 |

21. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|--------------------|-----------------------|
| Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 296.940.000 | 136.600.000 |
| Công ty cổ phần đầu tư kinh doanh địa ốc Hưng Thịnh | - | 23.040.000.000 |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 221.515.111 | 152.766.800 |
| Cộng | 518.455.111 | 23.329.366.800 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

| | Số đầu năm | Tăng do trích lập từ lợi nhuận | Chi quỹ trong năm | Số cuối năm |
|--------------------------------------|----------------------|--------------------------------------|------------------------|----------------------|
| Quỹ khen thưởng | 2.937.352.009 | 2.604.098.775 | (2.394.836.088) | 3.146.614.696 |
| Quỹ phúc lợi | 811.796.755 | 2.085.288.914 | (2.000.138.680) | 896.946.989 |
| Quỹ phúc lợi đã hình thành TSCĐ | - | - | - | - |
| Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành | (631.980.945) | 1.085.041.156 | (809.372.400) | (356.312.189) |
| Cộng | 3.117.167.819 | 5.774.428.845 | (5.204.347.168) | 3.687.249.496 |

23. Phải trả dài hạn khác

Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn.

24. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở phụ lục đính kèm trang 39.

Cổ tức

Trong năm, Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu Thiên Nam đã chi trả cổ tức như sau:

| | |
|-------------------------------------|-----------------------|
| Trả cổ tức năm trước (10% mệnh giá) | 7.991.739.000 |
| Tạm ứng cổ tức | 7.999.749.000 |
| Cộng | 15.991.488.000 |

Cổ phiếu

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------------------------------|-------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 8.000.000 | 8.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành | 8.000.000 | 8.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 8.000.000 | 8.000.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | (251) | (251) |
| - Cổ phiếu phổ thông | (251) | (251) |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 7.999.749 | 7.999.749 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 7.999.749 | 7.999.749 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

25. Lợi ích của cổ đông thiểu số

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông thiểu số trong giá trị tài sản thuần của công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông thiểu số như sau:

| | |
|---|----------------------|
| Số đầu năm | 635.226.912 |
| Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số | 588.535.975 |
| Giảm do chia cổ tức, lợi nhuận | (309.796.506) |
| Vốn đầu tư trong năm | 400.000.000 |
| Các quỹ tăng trong năm | 109.701.380 |
| Số cuối năm | 1.423.667.761 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|---------------------------------|---------------------------------|
| Tổng doanh thu | 1.203.313.249.267 | 1.064.191.343.970 |
| - Doanh thu bán hàng hóa | 1.181.095.473.872 | 1.042.088.319.153 |
| - Doanh thu kinh doanh bất động sản | 19.006.998.058 | 18.868.224.807 |
| - Doanh thu cung cấp dịch vụ | 3.210.777.337 | 3.234.800.010 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu: | (934.770.890) | (258.099.491) |
| - Chiết khấu thương mại | (25.517.502) | - |
| - Hàng bán bị trả lại | (909.253.388) | (258.099.491) |
| Doanh thu thuần | <u>1.202.378.478.377</u> | <u>1.063.933.244.479</u> |
| Trong đó: | | |
| - Doanh thu thuần bán hàng hóa | 1.180.160.702.982 | 1.041.830.219.662 |
| - Doanh thu thuần kinh doanh bất động sản | 19.006.998.058 | 18.868.224.807 |
| - Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ | 3.210.777.337 | 3.234.800.010 |

2. Giá vốn hàng bán

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|---------------------------------|-------------------------------|
| Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp | 1.099.337.117.947 | 951.206.171.678 |
| Giá vốn của hoạt động kinh doanh bất động sản | 3.070.641.593 | 2.911.661.335 |
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp | - | 1.351.082.485 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | - | 1.437.000.745 |
| Cộng | <u>1.102.407.759.540</u> | <u>956.905.916.243</u> |

3. Doanh thu hoạt động tài chính

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|------------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn | 703.450.593 | 865.219.104 |
| Lãi tiền gửi không kỳ hạn | 118.510.033 | 220.064.799 |
| Cổ tức lợi nhuận được chia | - | 958.514.460 |
| Thu nhập từ hoạt động góp vốn | 15.715.624.582 | 1.480.000.000 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 82.310.522 | 620.148.487 |
| Lãi chậm thanh toán của khách hàng | 10.826.136.227 | 14.377.730.460 |
| Cộng | <u>27.446.031.957</u> | <u>18.521.677.310</u> |

4. Chi phí tài chính

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-------------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Chi phí lãi vay | 39.181.138.711 | 38.976.938.368 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 323.161.267 | 1.163.094.904 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | 112.400.424 | 60.292.800 |
| Lãi mua hàng trả chậm | - | 4.108.658 |
| Cộng | <u>39.616.700.402</u> | <u>40.204.434.730</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngõ Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**5. Chi phí bán hàng**

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Chi phí cho nhân viên | 4.270.121.308 | 3.954.346.797 |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 800.907.581 | 529.292.932 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 1.046.485.022 | 238.682.726 |
| Thuế, phí và lệ phí | 92.025.455 | 12.670.062 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 11.728.491.849 | 10.075.929.939 |
| Chi phí khác | 1.891.248.307 | 1.898.810.137 |
| Cộng | <u>19.829.279.522</u> | <u>16.709.732.593</u> |

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Chi phí cho nhân viên | 12.365.934.304 | 12.960.521.498 |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 982.957.315 | 785.212.700 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 671.952.966 | 577.067.600 |
| Thuế, phí và lệ phí | 280.444.193 | 158.026.402 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 1.491.042.087 | 1.656.534.169 |
| Chi phí khác | 1.859.527.867 | 2.647.404.390 |
| Cộng | <u>17.651.858.732</u> | <u>18.784.766.759</u> |

7. Thu nhập khác

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|---------------------------|------------------------------|
| Thu tiền thanh lý công cụ dụng cụ | 10.909.091 | 51.700.000 |
| Thu chuyển nhượng dự án chung cư Thiên Nam | - | 30.200.000.000 |
| Tiền bồi thường của khách hàng | 158.846.907 | 60.000.000 |
| Thu nhập khác | 222.177.727 | 362.359.276 |
| Cộng | <u>391.933.725</u> | <u>30.674.059.276</u> |

8. Chi phí khác

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|---------------------------|------------------------------|
| Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán | - | 52.557.750 |
| Chi phí liên quan đến dự án chung cư Thiên Nam | - | 30.200.000.000 |
| Chi nộp phạt vi phạm HC, chậm nộp thuế | 96.389.901 | - |
| Chi phí khác | 4.185.741 | 2.955.522 |
| Cộng | <u>100.575.642</u> | <u>30.255.513.272</u> |

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|---------------------|---------------------|
| Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ | 38.166.279.141 | 40.125.154.322 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | - | - |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | 38.166.279.141 | 40.125.154.322 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm | 7.999.749 | 7.999.749 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | <u>4.771</u> | <u>5.016</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 1.783.864.896 | 1.314.505.632 |
| Chi phí nhân công | 16.636.055.612 | 16.914.868.295 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 3.593.905.544 | 2.691.217.882 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 13.587.654.504 | 12.152.615.118 |
| Chi phí khác | 3.755.125.254 | 4.546.214.527 |
| Cộng | <u>39.356.605.810</u> | <u>37.619.421.454</u> |

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm Công ty cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thiên Nam đã cân trừ khoản nợ phải trả Công ty cổ phần đầu tư kinh doanh địa ốc Hưng Thịnh với khoản đầu tư thu hồi là 15.011.550.000 VND.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Tiền lương | 4.441.680.000 | 2.604.833.182 |
| Thưởng và phụ cấp | 630.036.800 | 95.000.000 |
| Cộng | <u>5.071.716.800</u> | <u>2.699.833.182</u> |

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn chỉ có Tổng Công ty thương mại Sài Gòn- cổ đông đại diện vốn sở hữu nhà nước.

Trong năm Tập đoàn phát sinh nghiệp vụ với Tổng Công ty thương mại Sài Gòn như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--------------|-----------------|------------------|
| Mua hàng hóa | 130.364.456.252 | 101.418.304.625 |
| Bán hàng hóa | - | - |

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ phải trả tiền mua hàng hóa cho Tổng Công ty thương mại Sài Gòn là 61.680.078.629 VND (số đầu năm là 91.870.304.625 VND).

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Thông tin về bộ phận

Hoạt động chính của Tập đoàn là hoạt động thương mại (chiếm trên 98% doanh thu toàn công ty) và hoạt động kinh doanh của Tập đoàn chủ yếu ở khu vực phía Nam nên không thuộc đối tượng phải trình bày báo cáo bộ phận theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

3. Thuê hoạt động

Các hợp đồng cho thuê

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Từ 01 năm trở xuống | 14.826.633.720 | 18.868.224.807 |
| Trên 01 năm đến 05 năm | 27.776.542.450 | 57.399.661.253 |
| Cộng | <u>42.603.176.170</u> | <u>76.267.886.060</u> |

4. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, Khoản nợ phải thu có tài sản đảm bảo, đánh giá năng lực tài chính của khách hàng trước khi thực hiện việc bán hàng.

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Tổng Giám đốc đã ban hành qui chế bán hàng với các qui định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Tổng Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ qui chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.6 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

| | Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá | Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá | Đã quá hạn nhưng không giảm giá | Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá | Cộng |
|---|---|--------------------------------------|---------------------------------------|--------------------------------------|------------------------|
| Số cuối năm | | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 33.261.073.317 | - | - | - | 33.261.073.317 |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | - | - | 4.900.000.000 | - | 4.900.000.000 |
| Phải thu khách hàng | 126.091.788.253 | - | 11.261.783.344 | - | 137.353.571.597 |
| Các khoản phải thu khác | 652.603.982 | - | - | - | 652.603.982 |
| Tài sản tài chính sẵn sàng để bán | 6.488.450.000 | - | - | - | 6.488.450.000 |
| Cộng | 166.493.915.552 | - | 16.161.783.344 | - | 182.655.698.896 |
| Số đầu năm | | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 47.428.788.055 | - | - | - | 47.428.788.055 |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 46.600.000.000 | - | - | - | 46.600.000.000 |
| Phải thu khách hàng | 147.648.793.268 | - | - | - | 147.648.793.268 |
| Các khoản phải thu khác | 2.366.117.222 | - | - | - | 2.366.117.222 |
| Tài sản tài chính sẵn sàng để bán | 1.500.000.000 | - | - | - | 1.500.000.000 |
| Cộng | 245.543.698.545 | - | - | - | 245.543.698.545 |

Chi tiết thời gian quá hạn của các tài sản tài chính đã quá hạn nhưng không giảm giá như sau:

| | Quá hạn dưới 06 tháng | Quá hạn trên 06 tháng đến dưới 01 năm | Quá hạn trên 01 năm đến dưới 02 năm | Quá hạn trên 02 năm đến dưới 03 năm | Quá hạn trên 03 năm | Cộng |
|---|-----------------------------|---|---|--|------------------------|-----------------------|
| Số cuối năm | | | | | | |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | - | 4.900.000.000 | - | - | - | 4.900.000.000 |
| Phải thu khách hàng | 10.911.783.344 | 350000000 | - | - | - | 11.261.783.344 |
| Cộng | 10.911.783.344 | 5.250.000.000 | - | - | - | 16.161.783.344 |

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính (bao gồm cả lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

| | <u>Từ 01 năm trở xuống</u> | <u>Trên 01 năm đến 05 năm</u> | <u>Trên 05 năm</u> | <u>Cộng</u> |
|-------------------------|--------------------------------|-----------------------------------|--------------------|------------------------|
| Số cuối năm | | | | |
| Phải trả người bán | 130.418.004.768 | - | - | 130.418.004.768 |
| Vay và nợ | 209.784.678.514 | - | - | 209.784.678.514 |
| Các khoản phải trả khác | 2.166.016.242 | 5.340.320.000 | - | 7.506.336.242 |
| Cộng | 342.368.699.524 | 5.340.320.000 | - | 347.709.019.524 |
| Số đầu năm | | | | |
| Phải trả người bán | 94.524.197.980 | - | - | 94.524.197.980 |
| Vay và nợ | 279.335.801.289 | - | - | 279.335.801.289 |
| Các khoản phải trả khác | 30.226.588.613 | 4.561.593.200 | - | 34.788.181.813 |
| Cộng | 404.086.587.882 | 4.561.593.200 | - | 408.648.181.082 |

Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Tập đoàn có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá hàng hóa.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn nhập khẩu hàng hóa với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ (USD) của Tập đoàn như sau:

| | <u>Số cuối năm (USD)</u> | <u>Số đầu năm (USD)</u> |
|---|--------------------------|-------------------------|
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 106.375 | 136.715 |
| Phải thu khách hàng | 103.647 | - |
| Phải trả người bán | (3.147.166) | - |
| Vay và nợ | (156.735) | - |
| Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc USD | (3.093.879) | 136.715 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Rủi ro do biến động của tỷ giá hối đoái giữa VND và USD đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể do sự biến động tỉ giá của đồng VND và USD là không đáng kể.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn được đánh giá thấp do chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản cho vay và các khoản vay có theo lãi suất cố định.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất.

Tập đoàn không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá hàng hóa

Tập đoàn có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá hàng hóa bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

5. Tài sản đảm bảo

Các Công ty trong Tập đoàn không thế chấp tài sản cũng như không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác nào cho đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

6. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

| | Giá trị sổ sách | | Giá trị hợp lý | |
|---|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Tài sản tài chính | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 33.261.073.317 | 47.428.788.055 | 33.261.073.317 | 47.428.788.055 |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 4.900.000.000 | 46.600.000.000 | 4.900.000.000 | 46.600.000.000 |
| Phải thu khách hàng | 137.353.571.597 | 147.648.793.268 | 137.353.571.597 | 147.648.793.268 |
| Các khoản phải thu khác | 652.603.982 | 2.366.117.222 | 652.603.982 | 2.366.117.222 |
| Tài sản tài chính sẵn sàng để bán | 6.488.450.000 | 1.500.000.000 | 6.488.450.000 | 1.500.000.000 |
| Cộng | 182.655.698.896 | 245.543.698.545 | 182.655.698.896 | 245.543.698.545 |
| Nợ phải trả tài chính | | | | |
| Phải trả cho người bán | 130.418.004.768 | 94.524.197.980 | 130.418.004.768 | 94.524.197.980 |
| Vay và nợ | 209.784.678.514 | 279.335.801.289 | 209.784.678.514 | 279.335.801.289 |
| Các khoản phải trả khác | 7.506.336.242 | 34.788.181.813 | 7.506.336.242 | 34.788.181.813 |
| Cộng | 347.709.019.524 | 408.648.181.082 | 347.709.019.524 | 408.648.181.082 |

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán là giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Tuy nhiên Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 02 năm 2013



Vũ Thị Thúy Nga
Người lập biểu



Hà Hạnh Hoa
Kế toán trưởng



1815-G
GTY
EM HUU HA
VA TU VA
C
HO CHI

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngõ Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Phụ lục : Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Cổ phiếu quỹ | Chênh lệch tỷ giá hối đoái | Quỹ đầu tư phát triển | Quỹ dự phòng tài chính | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|---|---------------------------|-----------------------|--------------------|----------------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------------------|------------------------|
| Số dư đầu năm trước | 80.000.000.000 | 55.186.113.637 | (2.483.300) | 534.976.195 | 13.313.812.574 | 3.548.122.075 | 66.407.108.444 | 218.987.649.625 |
| Lợi nhuận trong năm | - | - | - | - | - | - | 40.125.154.322 | 40.125.154.322 |
| Chia cổ tức trong năm | - | - | - | - | - | - | (19.999.372.500) | (19.999.372.500) |
| Phân phối các quỹ trong năm | - | - | - | - | 39.247.693.587 | 3.680.720.056 | (48.921.303.600) | (5.992.889.957) |
| Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá | - | - | - | (534.976.195) | - | - | - | (534.976.195) |
| Đánh giá chênh lệch tỷ giá | - | - | - | (35.344.299) | - | - | - | (35.344.299) |
| Số dư cuối năm trước | 80.000.000.000 | 55.186.113.637 | (2.483.300) | (35.344.299) | 52.561.506.161 | 7.228.842.131 | 37.611.586.666 | 232.550.220.996 |
| Số dư đầu năm nay | 80.000.000.000 | 55.186.113.637 | (2.483.300) | (35.344.299) | 52.561.506.161 | 7.228.842.131 | 37.611.586.666 | 232.550.220.996 |
| Lợi nhuận trong năm | - | - | - | - | - | - | 38.166.279.141 | 38.166.279.141 |
| Chia cổ tức trong năm | - | - | - | - | - | - | (15.999.498.000) | (15.999.498.000) |
| Phân phối các quỹ trong năm | - | - | - | - | 6.296.329.332 | 2.247.207.445 | (14.397.667.003) | (5.854.130.226) |
| Quỹ tham gia công tác xã hội | - | - | - | - | - | - | (296.160.000) | (296.160.000) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp từ việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất các năm trước | - | - | - | - | (927.516.163) | - | (134.723.279) | (1.062.239.442) |
| Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá | - | - | - | 35.344.299 | - | - | - | 35.344.299 |
| Số dư cuối năm nay | 80.000.000.000 | 55.186.113.637 | (2.483.300) | - | 57.930.319.330 | 9.476.049.576 | 44.949.817.525 | 247.539.816.769 |

MNV

Vũ Thị Thúy Nga
Người lập biểu


Hà Hồng Hòa
Kế toán trưởng


TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 02 năm 2013

Ngô Hữu Hoàn
Tổng Giám đốc